

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y636F0075

Mã KQ/ RP. No: 001003650.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XNK TOKYO VIỆT NAM
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Tổ 4, Phường Tân Long, Thành Phố Thái Nguyên, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 30/05/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 30/05/2024 - 04/06/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC QUA MÁY LỌC KASAKAZ
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bình nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Antimon (Sb) (*)/Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022
2	Asen (As)/ Arsenic (As)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.001	SMEWW 3114 B:2023
3	Bari (Ba) (*)/Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022
4	Bo (B) (*)/Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021
5	Bromate (s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022
6	Cadimi (Cd) (*)/Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
7	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.289	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)
8	Chlorate (s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022
9	Clorit (ClO ₂ ⁻) (*)/Chlorite (ClO ₂ ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)
10	Crom (Cr) (*)/Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)
11	Đồng (Cu)/ Copper (Cu)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	SMEWW 3111 B:2023
12	Cyanua (CN ⁻) (s)/ Cyanide (CN ⁻) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)
13	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.197	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y636F0075

Mã KQ/ RP. No: 001003650.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
15	Mangan (Mn)/ Manganese (Mn)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	SMEWW 3111 B:2023
16	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021
17	Molypden (Mo) (*) ^(s) / Molybdenum (Mo) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021
18	Niken (Ni) (*) ^(s) / Nickel (Ni) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)
19	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*) ^(s) / Nitrate (NO ₃ ⁻) (*) ^(s)	1.70	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)
20	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻) (*)	Vết 0.039 (< LOQ=0.045)	mg/L	0.015	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)
21	Selen (Se) (*) ^(s) / Selenium (Se) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022
22	<i>Escherichia coli</i> (*)	0	CFU/250mL	-	ISO 9308-1:2014
23	<i>Coliforms</i> (*)	0	CFU/250mL	-	ISO 9308-1:2014
24	<i>Streptococci faecal</i> (*)	0	CFU/250mL	-	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
25	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/250mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
26	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfite (<i>Clostridia</i>) (*)/ Spores of sulfite-reducing anaerobes (<i>Clostridia</i>) (*)	0	CFU/50mL	-	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y636F0075

Mã KQ/ RP. No: 001003650.00

Ngày ban hành/ Date of issue: 04/06/2024

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
Chú thích/ Remarks: 1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection. 4. GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification. 5. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer. 6. (s): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (s): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.					

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04